TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **167**/2023/QĐST-HNGĐ	*Q, ngày 14 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình thụ lý số: 136/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/8/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị N C**, sinh năm 1976, HKTT: Thị trấn Q, huyện Q, thành phố H; nơi ở hiện nay: V, tổ dân phố N, thị trấn Q, thành phố H.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972, HKTT: Thị trấn Q, huyện Q, thành phố H; nơi ở hiện nay: V, tổ dân phố N, thị trấn Q, thành phố H.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/9/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về hôn nhân: Chị **Phạm Thị N C** và anh **Nguyễn Văn T** thuận tình ly hôn;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh H, sinh 14/12/2005 và Nguyễn Bảo N, sinh 24/4/2010. Ly hôn anh T, chị C thỏa thuận theo nguyện vọng của con chung: Giao con Nguyễn Thị Thanh H cho chị C và giao con Nguyễn Bảo N cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị C, anh T có quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con

chung không ai được ngăn cản.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ góp phí tổn nuôi con chung cho chị C, anh T cho đến khi có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, các khoản vay, cho vay tài sản của vợ chồng: Xin tự thỏa thuận, không đề nghị tòa giải quyết. Trường hợp không thỏa thuận được xin đề nghị giải quyết sau theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị C tự nguyện nộp toàn bộ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai thu số: 0000718 ngày 03/8/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q, thành phố H.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND Thị trấn Q, huyện Q;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy T